

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS - PT
Ngày : 21 và 22/02 /2023
V/v: *Tranh chấp chia thừa
kế.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Bà Nguyễn Thu Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 và 22/02/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp chia thừa kế*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DSST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 448/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng**, sinh năm 1973

ĐHKTT: Tổ 28B, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Chỗ ở: Số 29 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1976

ĐHKTT: Tổ 28B, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Chỗ ở: Số 24 C35, TT Mai Động, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng nguyên đơn:** Luật sư Trần Quốc Hùng, luật sư Hoàng Yên, luật sư Nguyễn Ngọc Mai – Văn phòng luật sư Trần Quốc Hùng – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Hải**, sinh năm 1972

ĐHKTT: Tổ 28B, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Chỗ ở: Số 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 (28B cũ), phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Luật sư Phạm Văn Tiến, sinh năm 1976 - Công ty luật TNHH Tiên Minh - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Minh Hằng, sinh năm 1970

2. Ông Lê Hồng Khanh, sinh năm 1965 (Chồng của bà Nguyễn Thị Minh Hằng)

3. Anh Lê Hoàng Nam Anh, sinh năm 1995

4. Anh Lê Hoàng Quốc Việt, sinh năm 2005

Cùng ĐHKTT: Tổ 28B, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Cùng chỗ ở: Số 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 (28B cũ), phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Minh Hằng là đại diện theo pháp luật của: Anh Lê Hoàng Quốc Việt.

4. Bà Lê Thị Huyền, sinh năm 1979

Cùng ĐHKTT: Tổ 28B, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Cùng chỗ ở: Số 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 (28B cũ), phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

5. Anh Nguyễn Đình Bảo Long, sinh năm 2004.

6. Chị Nguyễn Bích Phượng, sinh năm 2008.

7. Ông Phan Đình Quân, sinh năm 1974

Chỗ ở: Số 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 (28B cũ), phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Anh Bùi Lê Sơn – sinh năm 1995

9. Anh Lại Thế Quyết – sinh năm 1987

10. Anh Nguyễn Đức Hiệp – sinh năm 1991

11. Anh Phạm Văn Dương – sinh năm 1990
12. Chị Phạm Thị Diệu Linh – sinh năm 1986
13. Chị Hà Thị Hoài Thương – sinh năm 1990
14. Ông Lê Anh Quân – sinh năm 1983
15. Bà Nguyễn Hải Xuân – sinh năm 1985
16. Ông Hán Quang Chung – sinh năm 1996
17. Chị Vương Thị Nga – sinh năm 1995.
18. Anh Nguyễn Đình Giang – sinh năm 1999
19. Chị Vương Thị Hà My – sinh năm 2000.
20. Chị Hà Thị Nguyệt – sinh năm 1994.

Cùng trú tại: Số 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 (28B cũ), phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

***Người làm chứng:** Ông Nguyễn Đình Sào, sinh năm 1951.

ĐHKTT: Số 147, ngõ 254 phố Minh Khai, Tổ 3, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

***Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Đình Hải.

(Bà Hồng, bà Hà, ông Hải, bà Huyền, bà Yến, ông Hùng, bà Mai, ông Tiến, ông Sào có mặt tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai của các đồng Nguyên đơn trình bày tại Tòa án như sau:**

Bố, mẹ của các ông bà là Cụ ông Nguyễn Đình Như (sinh năm 1938, mất 08/7/2006) và cụ bà Nguyễn Thị Đức (sinh 1942, mất 29/8/2010) là vợ chồng hợp pháp. Khi còn sống cụ Như, cụ Đức sinh được bốn người con gồm: Nguyễn Thị Minh Hằng, sinh năm 1970; Nguyễn Đình Hải, sinh năm 1972; Nguyễn Thị Ánh Hồng, sinh năm 1973 và Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1976. Ngoài ra ông bà không có con riêng và con nuôi nào khác.

Trong thời gian chung sống cụ Như và cụ Đức tạo dựng được khối tài sản chung là nhà đất có diện tích 555,4m² tại thửa đất số 2 (1P), tờ bản đồ số 5I-I33 tổ 28B, phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội. Nhà đất trên đã được UBND quận Hoàng Mai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 593455 ngày 19/12/2006 đứng tên cụ Nguyễn Đình Như và Nguyễn Thị Đức. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên cụ Như, cụ Đức

không có tiền để nộp các khoản thuế đối với Nhà nước nên đến bây giờ vẫn chưa nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận này hiện vẫn do UBND quận Hoàng Mai lưu giữ.

Cụ Nguyễn Đình Như mất ngày 08/7/2006 và không để lại di chúc.

Sau khi cụ Đức mất thì chị gái của bà Hồng và bà Hà là bà Nguyễn Thị Minh Hằng có viết một bản di chúc đề ngày 18/8/2006 để cụ Nguyễn Thị Đức và các con gồm bà Hằng, ông Hải, bà Hồng và bà Hà cùng ký vào. Di chúc có nội dung như sau:

“Tôi thấy hoàn cảnh của các con tôi đang khó khăn nên tôi tạm thời cho các con tôi ba phòng để giúp cho các con bớt khó khăn trong cuộc sống. Hiện nay tôi có tất cả 15 phòng. Tôi là Nguyễn Thị Đức... phòng số 2,8,9 (mẹ ở với ai thì người đó được quyền sử dụng có trách nhiệm chăm sóc mẹ). Con gái cả Nguyễn Thị Minh Hằng phòng số 7, 14, 15. Con trai Nguyễn Đình Hải phòng số 10, 11, 12. Con gái thứ 3 Nguyễn Thị Ánh Hồng phòng số 16, 17, 18. Con gái thứ 4 là Nguyễn Thị Hà phòng số 1, 3, 6. Sau này có điều kiện thì phía đằng sau nhà đo kể từ cổng thẳng ra đằng sau trừ phòng của chị Yến đo được bao nhiêu mét thì chia đều cho 4 chị em (tính m²). Cách ra 1m² từ chân nhà chính. Đằng trước từ cổng vào đến cây hoa giấy là của chung 4 chị em. Từ cây hoa giấy đổ vào phía trong là của Hải. Từ tường hoa đổ ra đo được bao nhiêu mét thì chia ra làm 4(tính m²), làm gì thì tùy các con nhưng không được bán.

Phòng số 8,9 là để lo hương hỏa sau này chị em không phải đóng góp. Nhà chính hiện nay tôi và con trai đang ở, nếu sau này tôi mất thì nhà chính sẽ làm từ đường thờ tổ tiên mà con trai tôi phải có trách nhiệm trong nom, giữ gìn (nếu sau này con trai tôi bán 1m² nào cũng phải chia đều làm 4). Tôi làm di chúc để sau này các con thực hiện đúng như bản di chúc, tránh mất đoàn kết về sau.”

Bản di chúc trên được lập không tuân theo quy định của Bộ luật dân sự cả về hình thức và nội dung bởi: Cụ Đức đã định đoạt cả phần tài sản của cụ Như; Trong di chúc không có địa chỉ của người lập di chúc và người được hưởng tài sản theo di chúc; không mô tả cụ thể di sản và nơi có di sản; Di chúc có hai trang nhưng người lập di chúc và những người được hưởng tài sản theo di chúc chỉ ký vào trang cuối; Nội dung di chúc không phải là định đoạt dứt khoát chia di sản mà là “tạm thời cho các con tôi”.

Ngày 29/8/2010 cụ Nguyễn Thị Đức mất. Sau khi cụ Đức mất anh chị em trong gia đình đã thỏa thuận nhiều lần về việc phân chia di sản của bố mẹ tôi nhưng không thống nhất được do ông Hải không hợp tác. Ông Hải còn thách thức cho chúng mày đi kiện, cả đời này tao không làm sổ đỏ. Do vậy, đến nay trong gia đình vẫn chưa thực hiện việc khai nhận di sản thừa kế đối với tài sản mà bố mẹ để lại.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng và em là Nguyễn Thị Hà đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên vô hiệu Bản di chúc viết tay đề ngày 18/8/2006 do bà Nguyễn Thị Minh Hằng viết đứng tên bà Nguyễn Thị Đức do không tuân thủ quy định của pháp luật về thừa kế.

- Chia di sản theo pháp luật tài sản nhà và đất tại địa chỉ tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội đã được UBND quận Hoàng Mai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 593455 cho ông Nguyễn Đình Như và bà Nguyễn Thị Đức.

- Do diện tích đất không vuông và tôn trọng di nguyện của bố mẹ để các ông bà, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng và bà Nguyễn Thị Hà đề nghị được phân chia như sau:

+ Phần của ông Nguyễn Đình Hải là 132,7m² gồm thửa số 5 và số 9. Thửa số 5 giáp mặt đường số 15, ngách 92, ngõ 254 Minh Khai, tổ 16 (28b cũ) phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội diện tích 30m² và thửa số 9 là ngôi nhà chính 03 tầng, nhà cấp 4 gần nhà chính có diện tích 102,7m².

+ Phần diện tích của bà Nguyễn Thị Minh Hằng là 94,7 m² gồm thửa số 8 và số 2. Thửa số 8 giáp mặt đường số 15, ngách 92, ngõ 254 Minh Khai, tổ 16 (28b cũ) phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội diện tích 48m² và thửa số 2 phía bên trong có diện tích 46,7m² và nhận thanh toán chênh lệch từ ông Hải. Ngoài ra sát diện tích của bà Hằng có 8,5m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Hằng tiếp tục quản lý sử dụng, bà Hồng, bà Hà không có ý kiến gì. Phần diện tích mặt đường của bà Hằng cũng nhiều hơn các em khác.

+ Phần diện tích của bà Nguyễn Thị Ánh Hồng là 109,4m² gồm thửa số 3 và thửa số 6. Thửa số 6 giáp mặt đường số 15, ngách 92, ngõ 254 Minh Khai, tổ 16 (28b cũ) phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội diện tích 31,7m². Thửa số 3 bên trong có diện tích 77,7m².

+ Phần diện tích chia cho bà Nguyễn Thị Hà là 118m² gồm thửa số 1 và thửa số 7. Thửa số 7 giáp mặt đường số 15, ngách 92, ngõ 254 Minh Khai, tổ 16 (28b cũ) phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội diện tích 32,2m². Thửa số 1 bên trong có diện tích 85,8m².

Bà Hà có diện tích đất lớn hơn bà Hồng nên đồng ý thanh toán bằng tiền mặt cho bà Hồng.

Đối với phần diện tích đất chia cho ông Hải nhiều hơn chị em khác thì có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt cho bà Hằng. Ngoài ra còn 9,8m² đất không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm sát đất nhà ông Hải thì ông Hải sử dụng bà Hồng, bà Hà không có ý kiến gì.

Thửa đất số 10 có diện tích 100,6m² là lối đi chung (sân chung) cho 4 chị em trong gia đình.

****Bị đơn ông Nguyễn Đình Hải trình bày***

Thông nhất với các đồng nguyên đơn về quan hệ huyết thống của gia đình.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông có ý kiến như sau:

Vợ chồng ông cùng với tất cả các chị em trong gia đình hiện nay đang ở nhà đất của bố, mẹ của các ông bà là Cụ ông Nguyễn Đình Như và cụ bà Nguyễn Thị Đức để lại, trước khi mẹ ông mất, mẹ ông đã phân chia rạch ròi, mỗi người ở ổn định như hiện nay. Nay bà Hà, bà Hồng yêu cầu chia nhà đất tại tổ 28 phường Hoàng Văn Thụ, ông không đồng ý vì toàn bộ tài sản này đã được chia rõ ràng. Ông từ chối không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án cấp sơ thẩm.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Lê Hồng Khanh, có con đẻ anh Lê Hoàng Nam Anh và con đẻ anh Lê Hoàng Quốc Việt không trình bày ý kiến.

****Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đình Quân trình bày:*** Ông và bà Nguyễn Thị Hà kết hôn năm 2002; đến năm 2004 vợ chồng ông được bố mẹ vợ là cụ ông Nguyễn Đình Như và cụ bà Nguyễn Thị Đức cho 20m² (là một phòng cấp 4) để ở; đến cuối năm 2006 khi bố vợ ông là cụ ông Nguyễn Đình Như mất, mấy năm sau mẹ vợ ông là cụ bà Nguyễn Thị Đức cũng mất và có chia cho vợ ông và các con một số phòng trọ. Cụ thể: vợ ông được bà Đức cho hai mảnh đất; mảnh thứ nhất ở sau nhà lớn, một mặt giáp nhà lớn (nhà ông bà ở), một mặt giáp nhà ông Đình và bà Yến, một mặt giáp kênh thoát nước (nay là đường đi); một mặt giáp nhà bà Hồng. Năm 2017 ông và bà Hà xây một cửa hàng hai tầng diện tích hơn 26m² trị giá hơn 200 triệu đồng. Mảnh thứ hai diện tích 45m², một mặt giáp nhà cô Dư, chú Hùng; một mặt giáp nhà chị Sao; một mặt giáp nhà bà Hằng, mặt nữa giáp đường đi vào sân chung. Năm 2007 vợ chồng ông có coi nói thành hai phòng trọ trị giá 100 triệu đồng. Do bận công tác nên ông xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án cũng như phiên tòa xét xử. Ông giao lại toàn bộ quyền định đoạt tài sản trên đất do hai vợ chồng ông bỏ chi phí xây dựng cho vợ ông là Nguyễn Thị Hà giải quyết.

****Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác gồm:*** anh Bùi Lê Sơn, anh Lại Thế Quyết, anh Nguyễn Đức Hiệp, anh Phạm Văn Dương, chị Phạm Thị Diệu Linh, chị Hà Thị Hoài Thương, anh Lê Anh Quân, chị Nguyễn Hải Xuân, anh Hán Quang Chung, chị Hà Thị Nguyệt, chị Vương Thị Nga, anh Nguyễn Đình Giang, chị Vương Thị Hà Myđều là những người thuê nhà để ở tại địa chỉ số 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 (28B cũ), phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đều có đề nghị không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do họ chỉ là người thuê nhà theo thời vụ, không có công sức đóng góp hay cải tạo, sửa chữa gì và không có liên quan gì đến vụ kiện.

Với nội dung trên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DSST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã xử:

- Tuyên bố bản Di chúc đề ngày 18/8/2006 có chữ ký mang tên Nguyễn Thị Đức vô hiệu về hình thức và nội dung.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, Bà Nguyễn Thị Hà đối với ông Nguyễn Đình Hải về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Như và cụ Đức để lại là nhà đất có diện tích 555,4m² tại thửa số 2(IP), tờ bản đồ số 5I-I-33 theo GCNQSD đất số AĐ 593455 ngày 29/12/2006 đứng tên cụ Nguyễn Thị Đức và Nguyễn Đình Như tại địa chỉ tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Số mới hiện nay là 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Giá trị di sản gồm đất và nhà có tổng giá trị là: 28.423.575.400 đồng. Thửa đất có vị trí như sau: Phía Bắc giáp đường ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai; phía Đông Bắc nhà, đất ông Cường, Bà Dur; phía Đông Nam giáp nhà, đất bà Hảo, bà Lan; Phía Nam giáp nhà, đất ông Nam; Phía tây và tây bắc giáp đất nghĩa trang.

Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất là thời điểm cụ Nguyễn Đình Như mất ngày 08/7/2006.

Xác định thời điểm mở thừa kế thứ hai là thời điểm cụ Nguyễn Thị Đức mất: 29/8/2010.

Tuy có 2 thời điểm mở thừa kế, nhưng tổng giá trị đối với mỗi kỷ phần của các thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Minh Hằng; ông Nguyễn Đình Hải; bà Nguyễn Thị Ánh Hồng và bà Nguyễn Thị Hà theo luật không thay đổi, đối với cả khối di sản của cả cụ Nguyễn Đình Như và cụ Nguyễn Thị Đức để lại.

Gía trị tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Như và Nguyễn Thị Đức để lại là:

28.423.575.400 đồng. Mỗi kỷ phần thừa kế là 28.423.575.400 đồng: 4 = 7.105.893.850 đồng.

Xác nhận phần diện tích đất sử dụng mỗi kỷ phần là 555,4m²: 4 = 138,85m².

Xác nhận phần diện tích đất là lối đi chung 100,6m². Nên diện tích mỗi kỷ phần là: (555,4m² – 100,6m²): 4 = 113,7m².

Xác định những người thừa kế hàng thứ nhất của cụ Nguyễn Đình Như và cụ Nguyễn Thị Đức gồm: Bà Nguyễn Thị Minh Hằng; ông Nguyễn Đình Hải; bà Nguyễn Thị Ánh Hồng và bà Nguyễn Thị Hà.

Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Như và Nguyễn Thị Đức theo giá trị tài sản.

1. Xác định Bà Nguyễn Thị Minh Hằng được chia thừa số 2 và số 8 thuộc diện tích 555,4m² tại thửa số 2(IP), tờ bản đồ số 5I-I-33 theo GCNQSD đất số AĐ 593455 ngày 29/12/2006 đứng tên cụ Nguyễn Thị Đức và Nguyễn Đình Như tại địa chỉ tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Số mới hiện nay là 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Thửa số 8 giáp mặt đường thuộc tổ 28 Hoàng Văn Thụ (nay là số nhà 15 ngách 92, ngõ 254 Minh Khai) có diện tích 48 m² (được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 72, 53, 52, 51, 50, 49, 48, 1). Ngoài ra trên diện tích thửa đất số 8 của bà Hằng được tạm giao quản lý sử dụng 8.5 m² đất lưu không (được giới hạn bằng các điểm 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 40). Thửa số 2 có diện tích 46,7 m² (được giới hạn bởi các điểm 25, 26, 27, 63, 64, 25). (Có sơ đồ kèm theo). Như vậy, tổng diện tích bà Hằng được chia là 94,7 m² và 8.5m² đất lưu không bà Hằng đang quản lý sử dụng. Do diện tích của bà Hằng được chia ít hơn 19m² so với một kỳ phần thừa kế theo luật nên được nhận thanh toán chênh lệch từ ông Nguyễn Đình Hải với số tiền là 19m² x 50.000.000 đồng = 950.000.000 đồng. Tổng giá trị nhà, đất của bà Hằng được hưởng và sử dụng là: 7.073.460.800 đồng.

2. Ông Nguyễn Văn Hải được chia thừa số 5 và số 9 thuộc diện tích 555,4m² tại thửa số 2(IP), tờ bản đồ số 5I-I-33 theo GCNQSD đất số AĐ 593455 ngày 29/12/2006 đứng tên cụ Nguyễn Thị Đức và Nguyễn Đình Như tại địa chỉ tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Số mới hiện nay là 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Trong đó, thửa số 5 có diện tích 30.0 m² (được giới hạn bởi các điểm 14, 15, 16, 68, 69, 14). Thửa số 9 có diện tích 102, 7 m² gồm ngôi nhà chính 3 tầng và diện tích đất xung quanh nhà (được giới hạn bởi các điểm 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 53). Như vậy, tổng diện tích chia cho ông Hải là 132.7 m². Ngoài ra, ông Hải còn được tạm giao tiếp tục quản lý sử dụng 9.8 m² đất lưu không, được giới hạn bằng các điểm 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 31). (Có sơ đồ kèm theo). Buộc ông Nguyễn Đình Hải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch trả bà Hằng tiền chênh lệch là 19m² x 50.000.000 đồng = 950.000.000 đồng. Tổng giá trị nhà, đất của ông Hải được hưởng và sử dụng là: 7.033.264.390 đồng.

3. Xác định bà Nguyễn Thị Ánh Hồng được chia thừa số 3 và số 6 thuộc diện tích 555,4m² tại thửa số 2(IP), tờ bản đồ số 5I-I-33 theo GCNQSD đất số AĐ 593455 ngày 29/12/2006 đứng tên cụ Nguyễn Thị Đức và Nguyễn Đình Như tại địa chỉ tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Số mới hiện nay là 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Thửa số 6 có diện tích 31.7 m² (được giới hạn bởi các điểm 13, 14, 69, 70, 71, 13). Thửa số 3 có diện tích 77.7 m² (được giới hạn bởi các điểm 63, 27, 28, 29, 30, 62, 63) (Có sơ đồ kèm theo). Như vậy, tổng diện tích bà Hồng được chia là 109,4 m². Do diện tích của bà Hồng được chia ít hơn 4,3m² so với một kỳ phần thừa kế theo luật nên được nhận thanh toán

chênh lệch từ bà Hà với số tiền là: $4,3\text{m}^2 \times 50.000.000 \text{ đồng} = 215.000.000 \text{ đồng}$. Tổng giá trị nhà, đất của bà Hồng được hưởng và sử dụng là: 7.024.274.360 đồng.

4. Xác định Bà Nguyễn Thị Hà được chia thừa số 1 và số 7 thuộc diện tích 555,4m² tại thừa số 2(IP), tờ bản đồ số 5I-I-33 theo GCNQSD đất số AĐ 593455 ngày 29/12/2006 đứng tên cụ Nguyễn Thị Đức và Nguyễn Đình Như tại địa chỉ tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Số mới hiện nay là 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Thừa đất số 7 có diện tích 32,2 m² giáp mặt đường thuộc số nhà 15 ngách 92, ngõ 254 Minh Khai, tổ 28 Hoàng Văn Thụ (được giới hạn bởi các điểm 10, 11, 12, 13, 71, 72, 10). Thừa số 1 có diện tích 85,8 m² (được giới hạn bởi các điểm 20, 21, 22, 23, 24, 25, 64, 65, 66, 20) (Có sơ đồ kèm theo). Tổng diện tích bà Hà được chia là 118,6 m² và bà Hà sẽ phải thanh toán cho bà Hồng giá trị 4,3m² đất chênh lệch tương đương với giá thị trường vào thời điểm chia thừa kế. Tổng giá trị nhà, đất của bà Hà được hưởng và sử dụng là: 7.107.299.050 đồng.

5. Xác định phần diện tích đất cắt ra sử dụng làm lối đi chung cho các đồng thừa kế là: Thừa số 10 có diện tích 100,6 m² (được giới hạn bởi các điểm 16, 17, 18, 19, 20, 66, 65, 64, 63, 62, 30, 31, 31, 60, 61, 67, 68, 16) (có sơ đồ kèm theo) có giá trị tương đương 5.030.000.000 đồng. Các công trình xây dựng trên lối đi chung được phá dỡ để trả lại nguyên trạng cho các đồng thừa kế sử dụng chung.

Sau khi thanh toán kỹ phần thừa kế cho nhau: Ông Nguyễn Đình Hải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Minh Hằng; bà Nguyễn Thị Hà thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ánh Hồng. Bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, bà Nguyễn Thị Hà được quyền sử dụng diện tích đất, sở hữu các tài sản trên đất như nêu trên. Các ông Hải, bà Hằng, bà Hồng, Bà Hà phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và chấp hành các quy định về nghĩa vụ của người sử dụng đất. Nghĩa vụ tài chính cụ Như, cụ Đức chưa thực hiện đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền được chia đều cho 04 đồng thừa kế.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm, Ông Nguyễn Đình Hải kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị công nhận bản di chúc đề ngày 18/8/2006.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Trần Quốc Hùng, luật sư Hoàng Yến, luật sư Nguyễn Ngọc Mai - Văn phòng luật sư Trần Quốc Hùng, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội đồng tình với yêu cầu của nguyên đơn, sau khi phát biểu luận

cứ bảo vệ cho nguyên đơn các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận bản di chúc đề ngày 18/8/2006 có chữ ký mang tên Nguyễn Thị Đức và 4 người con là bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, bà Nguyễn Thị Hà vô hiệu về hình thức và nội dung từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Phạm Văn Tiến - Công ty luật TNHH, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, đồng tình với quan điểm của bị đơn, sau khi phát biểu luận cứ bảo vệ cho bị đơn, ông Phạm Văn Tiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận bản di chúc đề ngày 18/8/2006 có chữ ký mang tên cụ Nguyễn Thị Đức và 4 người con là bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, bà Nguyễn Thị Hà vì tất cả các hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Đình Như gồm cụ Nguyễn Thị Đức, bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, bà Nguyễn Thị Hà đã tự phân chia tài sản do cụ Nguyễn Đình Như để lại, đồng thời cụ Nguyễn Thị Đức cũng đã tặng cho một phần tài sản của mình trong khối tài sản chung giữa cụ và cụ Nguyễn Đình Như cho cả bốn người con của hai cụ, từ đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị công nhận bản di chúc đề ngày 18/8/2006.

****Người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm là ông Nguyễn Đình Sào trình bày:*** Ông là con của Cụ Phấn và cụ Nhân, sinh thời hai cụ có 07 người con gồm: Nguyễn Thị Đức, sinh 1942, mất ngày 29/8/2010; Nguyễn Thị Hạnh, sinh 1946; Nguyễn Thị Giá, sinh 1947; Nguyễn Đình Sào, sinh 1951; Nguyễn Đình Bình, sinh 1954, mất ngày 22/6/2014; Nguyễn Thị Ngân, sinh 1959; Nguyễn Thị Nga, sinh 1961.

Về quan hệ trong gia đình thì bà Hằng, ông Hải, bà Hồng, bà Hà phải gọi ông bằng cậu ruột vì ông là em ruột của cụ Nguyễn Thị Đức nên ông không bênh cháu nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông khẳng định những người con của cụ Phấn và cụ Nhân là Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Giá, Nguyễn Đình Sào, Nguyễn Thị Ngân và Nguyễn Thị Nga vẫn giữ nguyên quan điểm từ chối nhận tài sản thừa kế của cụ Phấn được hưởng từ cụ Nguyễn Thị Đức như tại cấp sơ thẩm.

Ông xác nhận đã chứng kiến và ký vào bản di chúc đề ngày 18/8/2006 có chữ ký của cụ Nguyễn Thị Đức và 4 người con của cụ Như và cụ Đức gồm bà Nguyễn Thị Minh Hằng, sinh 1970; Nguyễn Đình Hải, sinh 1972; Nguyễn Thị Ánh Hồng, sinh 1973 và Nguyễn Thị Hà, sinh 1976. Vào thời điểm 5 người cùng ký vào bản di chúc đề ngày 18/8/2006, cả 5 người hoàn toàn minh mẫn, cả 5 người hoàn toàn tự nguyện, tất cả các thành viên trong gia đình gồm cụ Đức và tất cả các con đều thống nhất với phương án của cụ Đức phân chia, không ai có ý kiến phản đối gì, ông Sào cũng khẳng định từ thời điểm cụ Đức phân chia tài sản cho đến nay bà Hằng, ông Hải, bà Hồng, bà Hà đều sử dụng ổn định đối với phần đất được phân chia.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

1. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Đình Hải kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2022/DSST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội là trong thời hạn kháng cáo. Ông Nguyễn Đình Hải đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Do vậy kháng cáo của Ông Nguyễn Đình Hải là hợp lệ về hình thức.

Tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký Tòa án: Các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về thẩm quyền: Bản án sơ thẩm số 03/2022/DSST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Căn cứ Điều 38 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án thành phố Hà Nội đã thụ lý phúc thẩm và giải quyết đúng thẩm quyền.

- Về thụ lý và thông báo thụ lý: Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã Thông báo việc thụ lý cho đương sự và VKS theo đúng qui định tại điều 285 BLTTDS.

- Triệu tập đầy đủ những người tham gia tố tụng theo quy định tại điều 294 BLTTDS

- Trình tự diễn biến tại phiên tòa đúng theo các quy định tại điều 297, điều 298, điều 302, điều 303, điều 305, điều 306 của BLTTDS;

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, điều 71, điều 72, điều 73 BLTTDS năm 2015.

3. Về nội dung vụ án

Sau khi phân tích, đánh giá về nội dung vụ án Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình Hải, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DSST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí theo quy định. Vì vậy, kháng cáo là hợp lệ về hình thức.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ huyết thống:

Cụ Nguyễn Đình Như, (sinh 1938, mất 08/7/2006, theo đăng ký khai tử số: 42 ngày 10/7/2006 do UBND phường Hoàng Văn Thụ cấp), và cụ Nguyễn Thị Đức, (sinh 1942, mất 29/8/2010, theo đăng ký khai tử số: 74 ngày 30/8/2010 do UBND phường Hoàng Văn Thụ cấp) là vợ chồng hợp pháp, sinh thời sinh được 04 người con gồm: Nguyễn Thị Minh Hằng, sinh 1970; Nguyễn Đình Hải, sinh 1972; Nguyễn Thị Ánh Hồng, sinh 1973 và Nguyễn Thị Hà, sinh 1976. Ngoài những người con trên, hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ cụ Như đã chết trước cụ Như. Bố cụ Đức là cụ Nguyễn Đình Nhân chết trước cụ Đức. Mẹ cụ Đức là Nguyễn Thị Phấn, sinh năm 1920, chết ngày 27/12/2011, (theo Giấy chứng tử số 01/2012, quyền số 01/2012 do UBND phường Mai Động, quận Hoàng Mai cấp ngày 03/01/2012), tức là chết sau cụ Đức.

Cụ Phấn và cụ Nhân sinh thời có 07 người con gồm: Nguyễn Thị Đức, sinh 1942, mất ngày 29/8/2010; Nguyễn Thị Hạnh, sinh 1946; Nguyễn Thị Giá, sinh 1947; Nguyễn Đình Sào, sinh 1951; Nguyễn Đình Bình, sinh 1954, chết ngày 22/6/2014; Nguyễn Thị Ngân, sinh 1959; Nguyễn Thị Nga, sinh 1961.

Những người con của cụ Phấn và cụ Nhân là Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Giá, Nguyễn Đình Sào, Nguyễn Thị Ngân và Nguyễn Thị Nga đều đã có nguyện vọng từ chối nhận tài sản thừa kế của cụ Phấn. Việc từ chối nhận tài sản thừa kế của cụ Phấn của những người trên được lập thành văn bản ngày 14/10/2017 tại Văn phòng công chứng Minh Thành, số 351 phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, “Văn bản từ chối tài sản thừa kế” số công chứng 1106/2017/VBKTTK quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD.

Ông Nguyễn Đình Bình, sinh 1954, chết ngày 22/6/2014. Vợ ông Bình là Nguyễn Thị Phìn, các con của ông Bình và bà Phìn là Nguyễn Thị Lan Hương và Nguyễn Đình Định đều đã có nguyện vọng từ chối nhận tài sản thừa kế của cụ Phấn. Việc từ chối nhận tài sản thừa kế của cụ Phấn của những người trên được lập thành văn bản ngày 14/10/2017 tại Văn phòng công chứng Minh Thành, số 351 phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, “Văn bản từ chối tài sản thừa kế” số công chứng 1107/2017/VBKTTK quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD. Việc từ chối nhận di sản của các thừa kế của cụ Phấn, ông Bình đều là hoàn toàn tự nguyện.

Như vậy, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Như gồm: cụ Đức và có 4 người con đẻ của hai cụ là bà Nguyễn Thị Minh Hằng, sinh 1970; ông Nguyễn Đình Hải, sinh 1972; bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, sinh 1973 và bà Nguyễn Thị Hà, sinh 1976.

- Xét về tính hợp pháp của di sản thừa kế của cụ Như và cụ Đức:

Theo các đương sự trình bày và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện thì trong thời gian tồn tại hôn nhân, cụ Như và cụ Đức có tạo dựng được khối tài sản chung là nhà và đất có diện tích 584,5m² tọa lạc tại thửa số 2(IP), tờ bản đồ số 5I-I-33 tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Năm 2003, cụ Như và cụ Đức đã chuyển nhượng 28,9m² trong tổng số diện tích trên cho vợ chồng ông Định bà Yến. Hiện diện tích nhà đất này đã được ông bà Yến, Định chuyển nhượng cho vợ chồng anh Lê Anh Quân và Nguyễn Hải Xuân. Do đã chuyển nhượng 28,9m², nên diện tích đất còn lại là 555,4m². Diện tích 555,4m² nhà đất trên đã được hai cụ Như, Đức làm thủ tục kê khai để xét cấp GCNQSD đất năm 2006, đã được các cấp có thẩm quyền xét duyệt và UBND quận Hoàng Mai đã có quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số AD 593455 ngày 29/12/2006 đứng tên bà Nguyễn Thị Đức và ông Nguyễn Đình Như.

Theo công văn số 1626/UBND-TNMT ngày 28/6/2019 của UBND quận Hoàng Mai cung cấp thì hồ sơ cấp GCNQSD đất của cụ Như và cụ Đức gồm:

- QĐ số 3505/QĐ-UB ngày 29/12/2006 của UBND quận Hoàng Mai cấp cho 30 hộ gia đình, cá nhân trong đó có bà Nguyễn Thị Đức và ông Nguyễn Đình Như, (số thứ tự 19 trong danh sách kèm theo). Bà Đức và ông Như sử dụng thửa 2(IP), tờ bản đồ 5I-I-33, diện tích 555,4m², phải nộp lệ phí trước bạ nhà đất và 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích 82,4m². Tại Biên bản xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ngày 12/10/2006 của UBND phường Hoàng Văn Thụ cho bà Nguyễn Thị Đức và ông Nguyễn Đình Như thì 82,4m² là đất ao vườn liền kề sử dụng làm nhà ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước 01/7/2004. Tại thời điểm xét cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở không có khiếu kiện.

- Đơn đăng ký đất nhà ở và đất ở ghi ngày 18/10/1998 mang tên bà Nguyễn Thị Đức thể hiện 573,7m².

- Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ghi ngày 18/10/1998 mang tên bà Nguyễn Thị Đức đề nghị cấp giấy chứng nhận cho bà Đức và ông Như, tại tổ 28, phường Hoàng Văn Thụ.

- Bản kê khai đăng ký nhà ở đất ở ghi ngày 18/10/1998 mang tên bà Nguyễn Thị Đức và ông Nguyễn Đình Như thể hiện diện tích đất 473m²; 01 nhà B1 có diện tích xây dựng 71m²; 01 nhà G có diện tích xây dựng 123m².

- Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số XN2-1576/2005/HSKT ngày 3/6/2005 do Công ty Địa chính Hà Nội lập thể hiện diện tích bà Nguyễn Thị Đức sử dụng tại tổ 28B, phường Hoàng Văn Thụ diện tích 273,7m².

- Giấy chuyển nhượng ghi ngày 05/7/1987 thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Đích chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình Như 50m².

- Đơn tường trình ghi ngày 13/9/2006 và 5/11/2005 của bà Nguyễn Thị Đức về quá trình sử dụng đất.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND huyện Thanh Trì cấp cho bà Nguyễn Thị Đức ngày 15/11/19990 tại thửa 91, tờ bản đồ 03, diện tích 473m².

- UBND quận Hoàng Mai cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị Đức và ông Nguyễn Đình Như tại QĐ số 3505/QĐ-UB ngày 29/12/2006 là đúng quy định pháp luật.

Tại Công văn số 456/CV-CNVPĐKĐĐQHMs ngày 06/12/2016 gửi bà Nguyễn Thị Ánh Hồng đã xác nhận: Thửa đất thuộc GCNQSD đất số 10125491704 mang tên chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Đức và ông Nguyễn Đình Như đã được UBND quận Hoàng Mai cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại quyết định số 3505/QĐ-UB ngày 29/12/2006 phải nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và 50% tiền sử dụng đất của 82,4m². Hiện tại bà Nguyễn Thị Đức và ông Nguyễn Đình Như chưa làm các thủ tục lấy GCNQSD đất trên. Do đó văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Hoàng Mai đang lưu giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở và chưa trả GCN cho bà Nguyễn Thị Đức và ông Nguyễn Đình Như.

Như vậy, mặc dù chưa nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhưng với sự cung cấp của 02 văn bản trên thì toàn bộ diện tích 555,42m² đất tại thửa 2(1P), tờ bản đồ 5I-I-33, tổ 28 phường Hoàng Văn Thụ đã là tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của cụ Đức và cụ Như. Việc các cụ chưa nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là do hai cụ không có điều kiện để nộp thuế trước bạ và phí sử dụng đất, chứ không phải vì không thuộc đối tượng không được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc các lý do khác. Do vậy, cần xác định di sản của cụ Như và cụ Đức để lại là nhà đất có diện tích 555,4m² tại thửa số 2(IP), tờ bản đồ số 5I-I-33 tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo GCNQSD đất số AD 593455 ngày 29/12/2006 đứng tên cụ Nguyễn Thị Đức và Nguyễn Đình Như.

Về thực tế sử dụng thì nhà đất trên đã được cụ Đức và cụ Như chia ra thành nhiều phòng biệt lập khác nhau cho các con quản lý, sử dụng để ổn định cuộc sống. Sau khi cụ Như và cụ Đức mất, 4 anh chị em bà Hồng vẫn quản lý sử dụng từng phòng riêng rẽ.

- Xét về **“BẢN DI CHÚC”** viết tay do bà Nguyễn Thị Minh Hằng viết đề ngày 18/8/2006 có chữ ký của Nguyễn thị Đức và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Cụ Như mất không để lại di chúc.

Cụ Đức, trước khi mất có ký vào 01 bản di chúc đề ngày 18/8/2006, do bà Hằng tự tay viết theo ý chỉ của cụ Đức và 4 người con của cụ Như và cụ Đức là bà Nguyễn Thị Minh Hằng, sinh 1970; ông Nguyễn Đình Hải, sinh 1972; bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, sinh 1973 và bà Nguyễn Thị Hà, sinh 1976, cả 5 người đều ký vào bản di chúc (di chúc này đã được tất cả các đương sự xác nhận).

Bản di chúc trên có nội dung:

“Tôi thấy hoàn cảnh các con tôi đang khó khăn nên tôi tạm thời cho các con tôi 3 phòng để giúp cho các con tôi bớt khó khăn trong cuộc sống.

Hiện nay tôi có tất cả 15 phòng.

- Tôi là Nguyễn Thị Đức... phòng số 2, 8, 9 (Mẹ ở với ai thì người đó được quyền sử dụng và có trách nhiệm chăm sóc mẹ).

- Con gái cả Nguyễn Thị Minh Hằng, phòng số 7, 14, 15.

- Con trai Nguyễn Đình Hải, phòng số 10, 11, 12.

- Con gái thứ 3 Nguyễn Thị Ánh Hồng, phòng số 16, 17, 18.

- Con gái thứ 4 là Nguyễn Thị Hà, phòng số 1, 3, 6.

Sau này có điều kiện thì phía đằng sau nhà đo kể từ cổng thẳng ra đằng sau trừ phòng của chị Yến đo được bao nhiêu mét thì chia đều cho 4 chị em, (tính m²).

Cách ra 1m từ chân nhà chính.

Đằng trước kể từ cổng vào đến cây hoa giấy là của chung 4 chị em.

Từ cây hoa giấy đổ vào phía trong là của Hải. Từ tường hoa đổ ra đo được bao nhiêu mét thì chia ra làm 4, (tính m²). Làm gì thì tùy các con nhưng không được bán.

Phòng số 8, 9 là để lo hương hỏa sau này chị em không phải đóng góp. Nhà chính hiện nay tôi và con trai đang ở, nếu sau này tôi mất thì nhà chính sẽ làm nhà từ đường thờ tổ tiên mà con trai tôi phải có trách nhiệm trông nom giữ gìn (nếu sau này con trai tôi bán 1m² nào cũng phải chia đều làm 4).

Tôi làm di chúc này để sau này cho các con thực hiện đúng như bản di chúc này, tránh mất đoàn kết về sau”.

***Xét Về hình thức di chúc:** Bản di chúc ghi ngày 18/8/2006 của cụ Nguyễn Thị Đức có chữ ký của cụ Đức và 4 người con của cụ Như và cụ Đức là bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, và bà Nguyễn Thị Hà là hoàn toàn hợp pháp theo Điều 649; Khoản 2 Điều 650 và Khoản 1 Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005.

- Điều 649; Điều 650; K1 Điều 652 BLDS 2005 quy định:

" Điều 649. Hình thức của di chúc

Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.

Người thuộc dân tộc thiểu số có quyền lập di chúc bằng chữ viết hoặc tiếng nói của dân tộc mình.

Điều 650. Di chúc bằng văn bản

Di chúc bằng văn bản bao gồm:

1. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng;

2. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng;

3. Di chúc bằng văn bản có công chứng;

4. Di chúc bằng văn bản có chứng thực.

Điều 652. Di chúc hợp pháp

1. Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

b) Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật."

Theo các căn cứ quy định pháp luật nêu trên thì bản di chúc của cụ Nguyễn Thị Đức có chữ ký của cụ Đức và 4 người con của cụ Như và cụ Đức là bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, và bà Nguyễn Thị Hà hoàn toàn đúng với quy định pháp luật về hình thức vì Bản di chúc được lập thành văn bản có ba người làm chứng là bà Nguyễn Thị Cát; ông Nguyễn Đình Công và ông Nguyễn Đình Sào. Trong phần làm chứng, những người làm chứng này đều ký xác định và ghi rõ: Tại thời điểm lập di chúc cụ Đức còn tỉnh táo, khoẻ mạnh và không bị ai ép buộc.

Như vậy về hình thức, Bản di chúc của bà Nguyễn Thị Đức là hoàn toàn hợp pháp theo các quy định của BLDS 2005. Tại thời điểm lập di chúc, bà Nguyễn Thị Đức hoàn toàn tỉnh táo, khoẻ mạnh và minh mẫn để thể hiện ý chí cá nhân của mình về việc định đoạt tài sản cho người khác sau khi chết mà không bị ai lừa dối, ép buộc gì.

Xét về nội dung di chúc:

- Bản di chúc đề ngày 18/8/2006 thể hiện tên tuổi, ngày tháng năm sinh; số CMND và tình trạng sức khỏe, sự minh mẫn trong trạng thái tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc gì khi lập di chúc. Bản di chúc cũng thể hiện ngày tháng năm lập di chúc là ngày 18/8/2006 và người lập di chúc ký và ghi rõ tên cùng 4 người con trước 3 người làm chứng. Hiện 3 người làm chứng này vẫn còn sống và xác nhận việc làm chứng là trung thực, khách quan.

- Việc bản di chúc ngày 18/8/2006 của cụ Nguyễn Thị Đức có 3 trang nhưng cụ Đức và các con cùng những người làm chứng chỉ ký vào trang 2 và trang 3, tuy nhiên, 3 trang trong bản di chúc này thống nhất, không tách rời thể hiện liên mạch về ý chí trong cùng một nội dung xuyên suốt, đó là ý chí định đoạt về sự phân định di sản của cụ Đức. Mặt khác, người viết Bản di chúc này do chính bà Nguyễn Thị Minh Hằng là con gái cả viết ra và đều được bốn người con của cụ Đức là bà Hằng, ông Hải, bà Hồng và bà Hà ký xác nhận. Theo Điều 92 BLTTDS 2016 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, Bản di chúc này phù hợp với Điều 654 và Điều 656 BLDS 2005.

- Xác định người làm chứng trong di chúc:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng là ông Nguyễn Đình Sào khẳng định, ông và hai người làm chứng là bà Nguyễn Thị Cát; ông Nguyễn Đình Công đều chứng kiến việc cụ Đức và bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, và bà Nguyễn Thị Hà ký vào di chúc.

" Điều 654. Người làm chứng cho việc lập di chúc

Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người sau đây:

1. Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc;
2. Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc;
3. Người chưa đủ mười tám tuổi, người không có năng lực hành vi dân sự.

Điều 656. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng

Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc.

Việc lập di chúc phải tuân theo quy định tại Điều 653 và Điều 654 của Bộ luật này."

Từ phân tích nêu trên có thể xác định, nội dung của bản di chúc là hoàn toàn phù hợp với Điều 653 BLDS 2005, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, vì vậy theo Điều 652 BLDS 2005 thì đây là bản di chúc hợp pháp. Bản di chúc đề ngày 18/8/2006 có đủ chữ ký của cả 5 thành viên trong gia đình. Chữ ký của cụ Đức trong "Bản di chúc" có ba ý nghĩa, một là cụ Đức tặng cho một phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung của vợ chồng với cụ Như; ý nghĩa thứ hai là cụ Đức cùng 04 người con đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Như ký vào "Bản di chúc" được xác định là cùng với các thừa kế phân chia di sản thừa kế của cụ Như cho cụ và bốn người con; ý nghĩa thứ ba là cụ Đức cùng 04 người con thống nhất phân định phần di sản dùng vào việc thờ cúng. Như vậy, Bản di chúc đề ngày 18/8/2006 có nội dung thể hiện sự tự nguyện phân chia bất động sản, có đầy đủ chữ ký của chủ sở hữu, sử dụng tài sản; của người thừa kế tài sản; của người tặng cho tài sản và của người được tặng cho tài sản. Do vậy xác định Bản di chúc ghi ngày 18/8/2006 của cụ Nguyễn Thị Đức có chữ ký của cụ Đức và 4 người con của cụ Như và cụ Đức là bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, và bà Nguyễn Thị Hà là di chúc hợp pháp.

- Phần 1 là sự thoả thuận, phân chia di sản thừa kế của cụ Như để lại gồm 15 phòng, chia đều làm 5, mỗi người 3 phòng.

Việc tự phân chia phần di sản của cụ Như để lại của cụ Đức và 4 người con của cụ Như trước sự đồng ý và cùng ký tên của đồng thừa kế của cụ Như nên được xem phần phân chia di sản thừa kế của cụ Như đã được thực hiện xong là hoàn toàn công khai, được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Như

- Phần di chúc định đoạt rõ phần di sản của cụ Như sau khi chết, cụ thể:

"Từ cây hoa giấy đổ vào phía trong là của Hải. Từ tường hoa đổ ra đo được bao nhiêu mét thì chia làm 4 (tính m²). Làm gì thì tùy các con nhưng không được bán.

Phòng số 8, 9 là để lo hương hỏa sau này chị em không phải đóng góp. Nhà chính hiện nay tôi và con trai đang ở, nếu sau này tôi mất thì nhà chính sẽ làm nhà từ đường

thờ tổ tiên mà con trai tôi phải có trách nhiệm trông nom giữ gìn (nếu sau này con trai tôi bán 1m² nào thì cũng phải chia đều làm 4)."

Phần cuối bản di chúc thể hiện dứt điểm rõ ràng: *"Tôi làm di chúc này để sau này cho các con tôi thực hiện đúng theo như bản di chúc này, tránh mất đoàn kết về sau"* thể hiện ý chí của cụ Đức đối với phần di sản thừa kế sau khi chết là sự dứt khoát và không vượt quá phần quyền định đoạt của cụ Đức.

Từ nhận định nêu trên, xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bản di chúc đề ngày 18/8/2006 có chữ ký mang tên Nguyễn Thị Đức vô hiệu về hình thức và nội dung và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, Bà Nguyễn Thị Hà đối với ông Nguyễn Đình Hải về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Như và cụ Đức để lại là không phù hợp với quy định của pháp luật và không phù hợp với thực tế sử dụng của bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng và bà Nguyễn Thị Hà nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại nội dung này theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng và bà Nguyễn Thị Hà.

Công nhận bản di chúc đề ngày 18/8/2006 có chữ ký của cụ Nguyễn Thị Đức, bà Nguyễn Thị Minh Hằng, ông Nguyễn Đình Hải, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, bà Nguyễn Thị Hà và chữ ký của ba người làm chứng là bà Nguyễn Thị Cát; ông Nguyễn Đình Công và ông Nguyễn Đình Sào là di chúc hợp pháp.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Các bên đương sự phải án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DSST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 654, Điều 656, Điều 670 BLDS 2005.

Luật đất đai 2003; Luật đất đai 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, Bà Nguyễn Thị Hà đối với ông Nguyễn Đình Hải về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Như và cụ Đức để lại là nhà đất có diện tích 555,4m² tại thửa số 2(IP), tờ bản đồ số 5I-I-33 theo GCNQSD đất số AĐ 593455 ngày 29/12/2006 đứng tên cụ Nguyễn Thị Đức và Nguyễn Đình Như tại địa chỉ tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Số mới hiện nay là 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội).

- Tuyên bố bản di chúc đề ngày 18/8/2006 có chữ ký của cụ Nguyễn Thị Đức Đức và có 4 người con đẻ của hai cụ gồm: bà Nguyễn Thị Minh Hằng, sinh 1970; ông Nguyễn Đình Hải, sinh 1972; bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, sinh 1973, bà Nguyễn Thị Hà, sinh 1976 có hiệu lực để thực hiện với chị Nguyễn Thị Minh Hằng, anh Nguyễn Đình Hải, chị Nguyễn Thị Ánh Hồng, và chị Nguyễn Thị Hà.

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh biến động, tách thửa và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất có diện tích 555,4m² tại thửa số 2(IP), tờ bản đồ số 5I-I-33 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số AĐ 593455 ngày 29/12/2006 đứng tên cụ Nguyễn Thị Đức và cụ Nguyễn Đình Như tại địa chỉ tổ 28B phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Số mới hiện nay là 15, ngách 92, ngõ 254 phố Minh Khai, tổ 16 phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Theo di chúc và theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng và bà Nguyễn Thị Hà mỗi người phải chịu: 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 36.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004292 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Trả lại bà Hồng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 35.700.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hà đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 36.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004293 ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận

Hoàng Mai. Trả lại bà Hà số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 35.700.000 đồng.

**** Về án phí dân sự phúc thẩm:***

Ông Nguyễn Đình Hải không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, Trả lại ông Hải số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0050174 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai

Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hà Nội
- TAND quận Hoàng Mai ;
- THADS quận Hoàng Mai ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Bình

